

Số: 924/QĐ-UBND

Na Rì, ngày 19 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn (đợt 1) giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 xã Na Rì (lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NA RÌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030; Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03/02/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế

- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội và đánh giá hiệu quả đầu tư; đẩy nhanh tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 09/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 09/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi thường xuyên; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 305/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn (đợt 1) và dự kiến chi thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 315/NQ-HĐND ngày 13/8/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 30/7/2026 của Hội đồng nhân dân xã Na Rì về việc quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn (đợt 1) giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 xã Na Rì;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19/8/2026 của Hội đồng nhân dân xã Na Rì về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn (đợt 1) giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 xã Na Rì (lần 1);

Căn cứ Quyết định số 2464/QĐ-UBND ngày 04/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn (đợt 1) và dự kiến chi thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 14/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Na Rì về việc chi chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026 để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ (lần 3);

Căn cứ Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 của Ủy ban nhân dân xã Na Rì về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn (đợt 1) giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 xã Na Rì;

Căn cứ Công văn số 6268/BTC-PTHT ngày 15/5/2026 của Bộ Tài chính về việc trả lời các kiến nghị về sử dụng ngân sách của các CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025 được kéo dài sang thực hiện trong năm 2026;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 223/TTr-KT ngày 13/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn (đợt 1) giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 xã Na Rì (lần 1), cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (đợt 1) giai đoạn 2026 - 2030 sau điều chỉnh là 57.671,28 triệu đồng, gồm:

- Nguồn ngân sách trung ương: 35.685,28 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn giao theo Nghị quyết số 305/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên: 34.507,00 triệu đồng.
 - + Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 được kéo dài sang thực hiện trong năm 2026: 1.178,28 triệu đồng.
- Nguồn ngân sách tỉnh: 17.500,00 triệu đồng.
- Nguồn ngân sách xã (đối ứng thực hiện Chương trình): 4.486,00 triệu đồng.
- Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ xi măng: 6.500 tấn.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện; quản lý, sử dụng vốn, thanh toán và quyết toán đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, mức vốn được giao và quy định của pháp luật.

- Phòng Kinh tế chủ trì theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch; tổng hợp tình hình thực hiện, khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, chỉ đạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng Phòng Kinh tế; Trưởng Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- KBNN Khu vực VII - Phòng Giao dịch số 8;
- Trung tâm DVTH xã (đăng tin);
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, KT, Linhht.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nông Thị Anh Thơ